

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 15 - 12 - 2021  
“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm;
2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Khoa Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Châu Pho Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 187/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 144/2021/QDST-HN ngày 06 tháng 7 năm 2021 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 04/TB-TA ngày 20 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp X1, xã Y1, huyện Z1, tỉnh An Giang.

***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Bà B vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 14/01/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc B trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, giữa Bà và ông T phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, Ông T thường xuyên đánh đập bà và xúc phạm gia đình bà và gia đình nhà chồng gây khó khăn cho bà. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình sinh sống cả hai không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà B đã cung cấp cho Tòa án Giấy trích lục chứng nhận kết hôn số 36/TLKH-BS, ngày 14/01/2021, thể hiện bà B và ông T có đăng ký kết hôn vào ngày 22/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Y3, huyện Z3, tỉnh An Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng theo triệu tập, không cung cấp lời khai.

Tòa án tiến hành xác minh, theo Biên bản xác minh ngày 31/5/2021, Công an xã X, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cho biết: Ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp X, xã Y, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang từ năm 2012. Hiện nay, ông T đang sinh sống cùng bà Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 1987 và có con chung tên Nguyễn Thị Tường Lam, sinh ngày 09/12/2005 tại ấp X, xã Y, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Ông T, bà Phượng và cháu Lam có đăng ký chung sổ hộ khẩu.

Tòa án không tiến hành hòa giải do bà B yêu cầu không hòa giải.

Tại phiên tòa,

Bà B và ông T đều vắng mặt.

Thay mặt Hội đồng xét xử, Thẩm phán công bố biên bản xác minh và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn tại các Điều **35, 68, 97** Bộ luật Tố tụng dân sự;

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 71. Tuy nhiên, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt là vi phạm Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa bà B và ông T tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang ngày 22/12/2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do ông T thường xuyên đánh đập và xúc phạm gia đình bà Bích. Căn cứ vào lời khai của bà B và Biên bản xác minh ngày 31/05/2021 về việc ông T đã sống chung với người khác và có con. Từ những chứng cứ trên, xét thấy bà B xin ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*:

Bà B và ông T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang vào ngày 22/12/2005, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 233 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và biên bản xác minh ngày 31/05/2021, có cơ sở xác định: Ông T không chung thủy, sống chung với bà Nguyễn Thị Phượng và có con chung trong khi đang là vợ chồng hợp pháp với bà Bích, là vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Nên bà B cho rằng đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng không hàn gắn được là có cơ sở.

Về phía ông T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Dù để thấy, ông T không thật sự cố gắng, tận dụng các cơ hội để hàn gắn tình cảm với bà Bích.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc B.

*Về quan hệ hôn nhân*: Bà B được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 233, ngày đăng ký kết hôn 22 tháng 12 năm 2005, của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thanh, huyện Châu Thành không còn giá trị pháp lý.

*Về án phí hôn nhân sơ thẩm*:

Bà Lê Thị Ngọc B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0007170 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Về quyền kháng cáo*: Bà Bích, ông T có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt đúng quy định.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát ND H Tri Tôn (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Tri Tôn (1);
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Thị Tâm**